

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/KDTM-ST ngày 16/10/2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-KDTM ngày 14/02/2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-KDTM ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

- Người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024): Ông Nguyễn Quang Duy; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

- Người được ủy quyền lại (theo Văn bản ủy quyền lại số 538/UQ-CNHN-TH ngày 25/6/2024):

+ Bà Phạm Thị Nguyệt Thanh; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Nguyễn Đình Hùng; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Đinh Thị Nhung; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Mai Huy Hoàng; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Trần Nam Sơn; chức vụ: Phó phụ trách Phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Đỗ Thùy Nga; chức vụ: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Phạm Thị Hà Mỹ; chức vụ: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Phạm Thị Hiền; chức vụ: Trưởng phòng Bán lẻ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Vũ Thị Lua; chức vụ: Phó phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Vũ Văn Hưng; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đồng Văn Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Đào Thị Tố Lan; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Phủ Lý Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Vân; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Lê Hồng Phong Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Hoàng Quang Vinh; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Trần Hưng Đạo Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Lương Chí Dũng; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Lý Nhân Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Phạm Quang Hiền; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Kiện Khê Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Phạm Tiến Hải; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Thanh Liêm Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Trần Thị Thu Hà; chức vụ: Phó phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Lê Ngọc Thiết; chức vụ: Cán bộ phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

Cùng địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số 211, đường L, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2/ Bị đơn: Công ty TNHH V.

Địa chỉ trụ sở: Tổ 1, đường L, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Xuân Q; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 36, ngõ 127 đường V, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa có mặt ông Mai Huy H, vắng mặt ông Lại Xuân Q không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C (sau đây viết tắt là VietinBank) ông Mai Huy H trình bày:

1/ Vietinbank đã cho công ty TNHH V (sau đây viết tắt là Công ty V) vay tiền làm nhiều lần, theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ký ngày 24/08/2007; Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ký ngày 18/12/2007; Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD ký ngày 04/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ký ngày 26/11/2008; Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ký ngày 12/02/2009; Hợp đồng tín dụng số 10/HĐTD ký ngày 07/05/2009; Hợp đồng tín dụng số 16/HĐTD ký ngày 05/05/2010; Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ký ngày 14/03/2011; Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký ngày 29/03/2013.

Tính đến ngày 25/12/2024, dư nợ của Công ty V được quản lý theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1.1/ Theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ký ngày 24/08/2007:

- Loại vay: Dài hạn
- Số tiền cho vay: 2.250.000.000 đồng.
- Số tiền giải ngân: 2.250.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 1,05%/tháng.
- Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn.
- Số tiền gốc đã trả: 1.370.000.000 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ là: 880.000.000 đồng.
- Số tiền lãi còn nợ là: 1.255.280.254 đồng (trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 950.292.778 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 304.987.476 đồng).
- Thời hạn cho vay: 84 tháng
- Thời gian trả nợ cuối cùng: 24/08/2014.
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014

1.2/ Theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ký ngày 18/12/2007:

- Loại vay: Dài hạn
- Số tiền cho vay: 3.500.000.000 đồng.
- Số tiền giải ngân: 3.500.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 1,05%/tháng.
- Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn.
- Số tiền gốc đã trả: 2.958.411.208 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ là: 541.588.792 đồng.
- Số tiền lãi còn nợ là: 1.026.920.519 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 846.282.291 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 180.638.228 đồng).
- Thời hạn cho vay: 84 tháng
- Thời gian trả nợ cuối cùng: 15/09/2014.
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014

1.3/ Theo Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD ký ngày 04/02/2008:

- Loại vay: Dài hạn
- Số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng.
- Số tiền giải ngân: 3.000.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 1,05%/tháng.
- Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn.
- Số tiền gốc đã trả: 1.500.000.000 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ là: 1.500.000.000 đồng.
- Số tiền lãi còn nợ là: 2.164.424.371 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 1.611.595.972 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 552.828.399 đồng).
- Thời hạn cho vay: 84 tháng
- Thời gian trả nợ cuối cùng: 04/02/2015.
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014

1.4/ Theo Hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ký ngày 26/11/2008:

- Loại vay: Trung hạn
- Số tiền cho vay: 1.800.000.000 đồng.
- Số tiền giải ngân: 1.800.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn: 1,375%/tháng.
 - Lãi suất phạt quá hạn: Bằng 50% lãi suất trong hạn.
 - Số tiền gốc đã trả: 1.160.000.000 đồng.
 - Số tiền gốc còn nợ là: 640.000.000 đồng.
 - Số tiền lãi còn nợ là: 915.591.579 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 686.453.750 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 229.137.829 đồng).
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng
 - Thời gian trả nợ cuối cùng: 26/11/2013.
 - Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014
- 1.5/ Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ký ngày 12/02/2009:
- Loại vay: Trung hạn
 - Số tiền cho vay: 1.600.000.000 đồng.
 - Số tiền giải ngân: 1.600.000.000 đồng.
 - Lãi suất trong hạn: 0,875%/tháng.
 - Lãi suất phạt quá hạn: Bằng 50% lãi suất trong hạn.
 - Số tiền gốc đã trả: 940.000.000 đồng.
 - Số tiền gốc còn nợ là: 660.000.000 đồng.
 - Số tiền lãi còn nợ là: 940.590.906 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 709.870.555 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 230.720.351 đồng).
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng
 - Thời gian trả nợ cuối cùng: 12/02/2014.
 - Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014
- 1.6/ Theo Hợp đồng tín dụng số 10/HĐTD ký ngày 07/05/2009:
- Loại vay: Dài hạn
 - Số tiền cho vay: 7.500.000.000 đồng.
 - Số tiền giải ngân: 7.470.000.000 đồng.
 - Lãi suất trong hạn: 10,5%/năm.
 - Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất trong hạn.
 - Số tiền gốc đã trả: 3.389.688.792 đồng.
 - Số tiền gốc còn nợ là: 4.080.311.208 đồng.
 - Số tiền lãi còn nợ là: 6.048.449.655 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 4.681.692.214 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 1.366.757.441 đồng).
 - Thời hạn cho vay: 84 tháng
 - Thời gian trả nợ cuối cùng: 07/05/2016
 - Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014
- 1.7/ Theo Hợp đồng tín dụng số 16/HĐTD ký ngày 05/05/2010:
- Loại vay: Dài hạn
 - Số tiền cho vay: 4.700.000.000 đồng.
 - Số tiền giải ngân: 4.700.000.000 đồng.
 - Lãi suất trong hạn: 14,5%/năm.
 - Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất trong hạn.
 - Số tiền gốc đã trả: 1.340.000.000 đồng.
 - Số tiền gốc còn nợ là: 3.360.000.000 đồng.
 - Số tiền lãi còn nợ là: 4.822.070.142 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 3.596.639.444 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 1.225.430.698 đồng).

- Thời hạn cho vay: 84 tháng
 - Thời gian trả nợ cuối cùng: 05/05/2017
 - Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014
- 1.8/ Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ký ngày 14/03/2011:
- Loại vay: Trung hạn
 - Số tiền cho vay: 4.480.000.000 đồng.
 - Số tiền giải ngân: 4.480.000.000 đồng.
 - Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 19,5%/năm.
 - Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất trong hạn.
 - Số tiền gốc đã trả: 120.000.000 đồng.
 - Số tiền gốc còn nợ là: 4.360.000.000 đồng.
 - Số tiền lãi còn nợ là: 6.151.640.266 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 4.651.668.750 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 1.499.971.516 đồng).
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng
 - Thời gian trả nợ cuối cùng: 14/03/2016.
 - Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014
- 1.9/ Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký ngày 29/03/2013:
- Loại vay: Ngắn hạn
 - Hạn mức cho vay: 9.000.000.000 đồng.
 - Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 11%/năm.
 - Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn.
 - Số tiền gốc còn nợ là: 1.284.390.829 đồng.
 - Số tiền lãi còn nợ là: 2.520.812.591 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 1.884.638.702 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 636.173.889 đồng).
 - Thời hạn cho vay: 12 tháng
 - Thời gian trả nợ cuối cùng: 29/04/2014.
 - Ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014
- 2/ Tài sản bảo đảm tiền vay bao gồm:
- 2.1/ Tài sản thứ nhất: 04 máy xúc đào theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 08/05/2006 giữa VietinBank và Công ty Vinh Quang.
- 2.2/ Tài sản thứ 2: 01 bộ hệ thống nghiền sàng đá; 02 xe ô tô tải HuynDai biển kiểm soát 90T-2619 và 90T-2679 theo hợp đồng thế chấp số 03/HĐTC ngày 01/08/2006 giữa VietinBank và Công ty V.
- 2.3/ Tài sản thứ 3: 01 hàm nghiền đá model CM 111; 01 máy nghiền côn model 900 CKA; 01 máy biến áp model 750 KVA-22(10)/0,4 KV; 01 máy xúc đào HITACHI model UB12-7; 01 máy khoan KOMATSU model BP500-3 theo hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC ngày 19/10/2006 giữa VietinBank và Công ty V.
- 2.4/ Tài sản thứ 4: 01 bộ dây chuyền đúc công rung cường bức; 01 bộ dây chuyền đúc công phi 2000; 02 bộ máy sàng đá kiểu zin 52LX cỡ 1,7x5m + 05 bộ băng tải B 650 theo hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC ngày 14/11/2006 giữa VietinBank và Công ty V.
- 2.5/ Tài sản thứ 5: Bộ máy nghiền sàng đá bao gồm 02 bộ hàm nghiền trung gian CMD 108, 01 bộ sắcxy 108, 01 sàng rung GIS 52, 05 bộ băng tải B650, 01 tủ điện, tủ dây; 02 chiếc máy ép khí DK9(9m³/phút) đồng bộ dây đá; 02 bộ máy khoan đá BMK5 đồng bộ kèm: 15 cái cần khoan BMK5, 02 quả đập P110, 10 cái

mũi khoan K110; 50 cái Mũi khoan K110; 20 cái cần khoan Fi 90; 01 bộ máy nghiền Roto theo hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ngày 21/08/2007 giữa VietinBank và Công ty V.

2.6/ Tài sản thứ 6: Dây chuyền nghiền sàng đá, sản xuất tại Nhật Bản đã qua sử dụng chất lượng còn mới 95%, công suất đá 350 tấn/h; tư vấn lắp đặt thiết bị, gia công chế tạo cơ khí theo hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC ngày 17/12/2007 giữa VietinBank và Công ty V.

2.7/ Tài sản thứ 7: 01 dây chuyền nghiền cát nhân tạo và 01 máy xúc CAT350, dung tích gần 1,9M3 đã qua sử dụng chất lượng còn 80% theo hợp đồng thế chấp số 03/HĐTC ngày 04/02/2008 giữa VietinBank và Công ty Vinh Quang.

2.8/ Tài sản thứ 8: 01 bộ máy nghiền công suất 250 tấn/h, hệ thống sát xi H400, hệ thống dầu bôi trơn làm mát, hệ thống thùng dầu kính thủy lực, hệ thống băng tải cấp đá vào B 100-L15 và thiết bị trạm biến áp 750 KVA-35 (22)/0,4KV theo hợp đồng thế chấp số 06/HĐTC ngày 25/11/2008 giữa VietinBank và Công ty V.

2.9/ Tài sản thứ 9: 02 xe ben tự đổ hiệu DONGFENG model LZ3330M1 sản xuất năm 2008; 01 máy nghiền đá rôto 75A; 01 máy nghiền đá rôto 85A; 01 máy đào bánh xích hiệu IHI IS190; 01 máy đào bánh xích hiệu KOBELCO YUTANI YS750 theo hợp đồng thế chấp số 09/HĐTC ngày 12/02/2009 giữa VietinBank và Công ty V.

2.10/ Tài sản thứ 10: 01 ô tô con 05 chỗ nhãn hiệu BMW; Máy khoan đá INGER SOKAND do Nhật Bản sản xuất đã qua sử dụng model DCH 300, seri 852 theo hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC ngày 04/03/2009 giữa VietinBank và Công ty V.

2.11/ Tài sản thứ 11: 01 bộ dàn máy nghiền hàm và các thiết bị đồng bộ (hàng của đức đã qua sử dụng); 01 chiếc máy xúc bánh xích hiệu KOMATSU model PC128UU-2 SỐ KHUNG #13451; 01 chiếc máy xúc bánh xích hiệu KOMATSU model PC128UU-2 SỐ KHUNG #5590; 01 máy xúc lật hiệu LIUGONG model ZL50C (bánh lốp) sản xuất năm 2009 xuất xứ Trung Quốc; 02 xe ô tô tải ben hiệu DONGFENG model LZ3330M1 25 tấn sản xuất năm 2008 – 2009; 01 máy nghiền đá (hàm đập 1.200x1000 một trục hai bánh đà) xuất xứ Nhật Bản; 01 máy nghiền đá (hàm đập 1.200x1000 hai trục hai bánh đà) xuất xứ Nhật Bản; 01 máy nghiền đá (cons 1.500 thủy lực) xuất xứ Nhật Bản; 02 bộ máy cấp liệu rung kiểu Metso (có tách đất); 01 bộ máy sàng đá kiểu Liên xô 175x5,5 ba lớp; 01 bộ máy sàng đá kiểu Liên xô 150x4,5 hai lớp theo hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC ngày 28/04/2009 giữa VietinBank và Công ty V.

2.12/ Tài sản thứ 12: 01 Máy nghiền đá (nghiền hàm 450 t/h-42x54); 01 bộ sàng đá (loại cấp liệu lọc đất 1.350x2.400 kèm hộp số rung cấp liệu và cốt sàng 2.300); 01 máy xúc đào bánh xích hiệu HITACHI model EX 400, số khung 164-4057; 02 bộ máy cấp liệu thể tích 30m³; 03 bộ máy sàng rung 2.200x6.000 công suất 150 t/h; 02 bộ khung băng tải B1.000X117.000; 04 bộ khung băng tải B800X L17.000; 06 bộ khung băng tải B650x L15.000; 01 tủ điện 500A; 01 tủ điện 350A; đường dây hạ thế và chi phí thi công lắp đặt trạm biến áp, đường dây điện theo hợp đồng thế chấp số 16/HĐTC ngày 28/04/2010 giữa VietinBank và Công ty V.

2.13/ Tài sản thứ 13: 01 bộ máy nghiền đá công suất 300 tấn/h thiết kế theo kiểu Hàn Quốc (máy móc thiết bị và băng tải cao su do Nhật Bản sản xuất chất lượng trên 80%) bao gồm: Cấp liệu rung 30m³; hàm nghiền 40x48 (công suất 150KW); băng tải B 1.200L 18m SL01; hộp giảm tốc 37KW; băng tải B 1.000L 17m SL03; hộp giảm tốc 30KW; băng tải B800L 17m SL04; hộp giảm tốc 22KW; máy nghiền côn 1.200 công suất 132KW; máy xay đá HX 2200x7000 x 3 lớp công suất 40KW theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐTC ngày 07/03/2011 giữa VietinBank và Công ty V.

Toàn bộ các tài sản thế chấp nêu trên đều là tài sản hợp pháp của Công ty V. Các Hợp đồng thế chấp trên đều được công chứng tại cơ quan có thẩm quyền và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

3/ Tổng dư nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 10/4/2025, cụ thể như sau:

- Dư nợ gốc: 17.306.290.829 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 19.880.331.182 đồng
- Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 6.357.244.187 đồng

Tổng: 43.543.866.198 đồng (*bốn mươi ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm chín tám đồng*).

VietinBank đã đôn đốc nhiều lần nhưng Công ty V không trả số tiền còn nợ.

* Ngày 16/01/2025 đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút toàn bộ phần tài sản bảo đảm đối với công ty V, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản bảo đảm trong vụ án này.

Nay VietinBank khởi kiện Công ty V và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý giải quyết, cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ VietinBank, tổng số tiền tính đến ngày 10/4/2025, tổng là 43.543.866.198 đồng (*bốn mươi ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm chín tám đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc: 17.306.290.829 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.880.331.182 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 6.357.244.187 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ký ngày 24/08/2007; Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ký ngày 18/12/2007; Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD ký ngày 04/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ký ngày 26/11/2008; Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ký ngày 12/02/2009; Hợp đồng tín dụng số 10/HĐTD ký ngày 07/05/2009; Hợp đồng tín dụng số 16/HĐTD ký ngày 05/05/2010; Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ký ngày 14/03/2011; Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký ngày 29/03/2013 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đến khi Công ty V thanh toán hết số nợ cho VietinBank.

* Tại bản tự khai ngày 28/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của Công ty Vinh Q là ông Lại Xuân Q trình bày: Ông xác nhận công ty đã vay tiền của VietinBank theo 09 hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2013. Tuy nhiên trong thời gian vay có nhiều biến động khó khăn nên không trả được tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng đúng hạn, ông cần có thời gian để hai bên hòa giải với nhau, khi nào thống nhất được sẽ thông báo cho Tòa án sau.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Mai Huy H xuất trình 01 bảng tính lãi, theo đó số tiền mà Công ty V còn nợ VietinBank tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/04/2025) là 43.543.866.198 đồng; trong đó: Nợ gốc là 17.306.290.829 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.880.331.182 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 6.357.244.187 đồng. Ông H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa VietinBank với Công ty V với mục đích vay là để thanh toán tiền mua máy móc và thanh toán các chi phí khác phục vụ khai thác, chế biến đá kinh doanh. Công ty V đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận; địa chỉ trụ sở công ty V tại tổ 1, phường L, thành phố P nên đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lại Xuân Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về Hợp đồng tín dụng:

Theo Thỏa thuận về các điều kiện, điều khoản chung; VietinBank đã cho Công ty V vay tiền theo 09 Hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ký ngày 24/08/2007, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 04/02/2008, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc ngày 07/11/2013, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng tháng 11/2013; Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ký ngày 18/12/2007, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2008/PLHĐ ngày 01/7/2008, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng tháng 11/2013; Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD ký ngày 04/02/2008, phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 15/5/2008, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc ngày 07/11/2013, văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 10/02/2012; Hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ký ngày 26/11/2008, phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2009/PLHĐ ngày 25/8/2009, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng tháng 11/2013; Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ký ngày 12/02/2009, phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2009/PLHĐ ngày 18/8/2009, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ

gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012; Hợp đồng tín dụng số 10/HĐTD ký ngày 07/05/2009, phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2009/PLHĐ ngày 16/9/2009, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012; Hợp đồng tín dụng số 16/HĐTD ký ngày 05/05/2010, phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2010/PLHĐ ngày 05/10/2010, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc ngày 07/11/2013; Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ký ngày 14/03/2011, phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2011/PLHĐ ngày 12/12/2011, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc số 01/2012/VBSĐPLHĐ ngày 29/5/2012, văn bản sửa đổi phụ lục lịch trả nợ gốc ngày 07/11/2013; Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký ngày 29/03/2013, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 07/11/2013, giấy nhận nợ số 39 ngày 16/10/2013.

Tính đến ngày 25/12/2024, thì dư nợ của Công ty V cụ thể như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ký ngày 24/08/2007: Số tiền cho vay là 2.250.000.000 đồng; tiền gốc đã trả là 1.370.000.000 đồng; tiền gốc còn nợ là 880.000.000 đồng; tiền lãi còn nợ là 1.255.280.254 đồng (trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 950.292.778 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 304.987.476 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 24/08/2014; ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ký ngày 18/12/2007: Số tiền cho vay là 3.500.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả là 2.958.411.208 đồng; số tiền gốc còn nợ là 541.588.792 đồng; số tiền lãi còn nợ là 1.026.920.519 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 846.282.291 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 180.638.228 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 15/09/2014; ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD ký ngày 04/02/2008: Số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả: 1.500.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 1.500.000.000 đồng; số tiền lãi còn nợ là: 2.164.424.371 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 1.611.595.972 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 552.828.399 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 04/02/2015; ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ký ngày 26/11/2008: Số tiền cho vay là 1.800.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả: 1.160.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 640.000.000 đồng; số tiền lãi còn nợ là: 915.591.579 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 686.453.750 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 229.137.829 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng: 26/11/2013; ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ký ngày 12/02/2009: Số tiền cho vay: 1.600.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả: 940.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 660.000.000 đồng; số tiền lãi còn nợ là: 940.590.906 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 709.870.555 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 230.720.351 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng: 12/02/2014; ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 10/HĐTD ký ngày 07/05/2009: Số tiền cho vay: 7.470.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả: 3.389.688.792 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 4.080.311.208 đồng; số tiền lãi còn nợ là: 6.048.449.655 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 4.681.692.214 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 1.366.757.441 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng: 07/05/2016; ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 16/HĐTD ký ngày 05/05/2010: Số tiền cho vay: 4.700.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả:

1.340.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 3.360.000.000 đồng; số tiền lãi còn nợ là: 4.822.070.142 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 3.596.639.444 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 1.225.430.698 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng: 05/05/2017; ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ký ngày 14/03/2011: Số tiền cho vay: 4.480.000.000 đồng; số tiền gốc đã trả: 120.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 4.360.000.000 đồng; số tiền lãi còn nợ là: 6.151.640.266 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 4.651.668.750 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 1.499.971.516 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng: 14/03/2016; ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014. Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ký ngày 29/03/2013: Hạn mức cho vay: 9.000.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ là: 1.284.390.829 đồng, số tiền lãi còn nợ là: 2.520.812.591 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 1.884.638.702 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 636.173.889 đồng); thời gian trả nợ cuối cùng: 29/04/2014; ngày chuyển nợ quá hạn: 12/05/2014.

Tổng số tiền VietinBank đã cho Công ty V vay theo 09 hợp đồng tín dụng nêu trên là 37.830.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty V đã trả cho VietinBank tổng số tiền gốc là 20.523.709.171 đồng, tổng số tiền lãi là 10.999.586.116 đồng; tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/4/2025) thì Công ty V còn nợ VietinBank tổng số tiền là 43.543.866.198 đồng (trong đó: Nợ gốc là 17.306.290.829 đồng, lãi trong hạn là 19.880.331.182 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 6.357.244.187 đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng: 09 Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa bên cho vay là VietinBank với bên vay là Công ty V, nội dung và hình thức của 09 Hợp đồng tín dụng nêu trên đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự ký kết 09 Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 121 và Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 90; 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự. Đối chiếu với nội dung của 09 Hợp đồng tín dụng nêu trên, cũng như quá trình thực hiện 09 Hợp đồng tín dụng, thấy: Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Điều 5 của các Hợp đồng tín dụng ký giữa hai bên về thời hạn trả nợ. Việc VietinBank yêu cầu Công ty V thanh toán toàn bộ số nợ của 09 hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/4/2025) là: 43.543.866.198 đồng (bốn mươi ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 17.306.290.829 đồng; lãi trong hạn là 19.880.331.182 đồng; lãi phạt chậm trả gốc là 6.357.244.187 đồng (có bảng kê chi tiết kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với 09 Hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung đã ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

[3.2] Về tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay: Quá trình vay nợ thì Công ty V đã thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp như sau:

- Tài sản thứ nhất: 04 máy xúc đào theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 08/05/2006 giữa VietinBank và Công ty V.

- Tài sản thứ 2: 01 bộ hệ thống nghiền sàng đá; 02 xe ô tô tải HuynDai biển kiểm soát 90T-2619 và 90T-2679 theo hợp đồng thế chấp số 03/HĐTC ngày 01/08/2006.

- Tài sản thứ 3: 01 hàm nghiền đá model CM 111; 01 máy nghiền côn model 900 CKA; 01 máy biến áp model 750 KVA-22(10)/0,4 KV; 01 máy xúc đào HITACHI model UB12-7; 01 máy khoan KOMATSU model BP500-3 theo hợp đồng thể chấp số 02/HĐTC ngày 19/10/2006.

- Tài sản thứ 4: 01 bộ dây chuyền đúc công rung cường bức; 01 bộ dây chuyền đúc công phi 2000; 02 bộ máy sàng đá kiểu zin 52LX cỡ 1,7x5m + 05 bộ băng tải B 650 theo hợp đồng thể chấp số 02/HĐTC ngày 14/11/2006.

- Tài sản thứ 5: Bộ máy nghiền sàng đá bao gồm 02 bộ hàm nghiền trung gian CMD 108, 01 bộ sắcxy 108, 01 sàng rung GIS 52, 05 bộ băng tải B650, 01 tủ điện, tủ dây; 02 chiếc máy ép khí DK9(9m³/phút) đồng bộ dây đá; 02 bộ máy khoan đá BMK5 đồng bộ kèm: 15 cái cần khoan BMK5, 02 quả đập P110, 10 cái mũi khoan K110; 50 cái Mũi khoan K110; 20 cái cần khoan Fi 90; 01 bộ máy nghiền Roto theo hợp đồng thể chấp số 01/HĐTC ngày 21/08/2007.

- Tài sản thứ 6: Dây chuyền nghiền sàng đá, sản xuất tại Nhật Bản đã qua sử dụng chất lượng còn mới 95%, công suất đá 350 tấn/h; tư vấn lắp đặt thiết bị, gia công chế tạo cơ khí theo hợp đồng thể chấp số 02/HĐTC ngày 17/12/2007.

- Tài sản thứ 7: 01 dây chuyền nghiền cát nhân tạo và 01 máy xúc CAT350, dung tích gầu 1,9M³ đã qua sử dụng chất lượng còn 80% theo hợp đồng thể chấp số 03/HĐTC ngày 04/02/2008.

- Tài sản thứ 8: 01 bộ máy nghiền công suất 250 tấn/h, hệ thống sát xi H400, hệ thống dầu bôi trơn làm mát, hệ thống thùng dầu kính thủy lực, hệ thống băng tải cấp đá vào B 100-L15 và thiết bị trạm biến áp 750 KVA-35 (22)/0,4KV theo hợp đồng thể chấp số 06/HĐTC ngày 25/11/2008.

- Tài sản thứ 9: 02 xe ben tự đổ hiệu DONGFENG model LZ3330M1 sản xuất năm 2008; 01 máy nghiền đá rôto 75A; 01 máy nghiền đá rôto 85A; 01 máy đào bánh xích hiệu IHI IS190; 01 máy đào bánh xích hiệu KOBELCO YUTANI YS750 theo hợp đồng thể chấp số 09/HĐTC ngày 12/02/2009.

- Tài sản thứ 10: 01 ô tô con 05 chỗ nhãn hiệu BMW; Máy khoan đá INGER SOKAND do Nhật Bản sản xuất đã qua sử dụng model DCH 300, seri 852 theo hợp đồng thể chấp số 10/HĐTC ngày 04/03/2009.

- Tài sản thứ 11: 01 bộ dàn máy nghiền hàm và các thiết bị đồng bộ (hàng của đức đã qua sử dụng); 01 chiếc máy xúc bánh xích hiệu KOMATSU model PC128UU-2 SỐ KHUNG #13451; 01 chiếc máy xúc bánh xích hiệu KOMATSU model PC128UU-2 SỐ KHUNG #5590; 01 máy xúc lật hiệu LIUGONG model ZL50C (bánh lốp) sản xuất năm 2009 xuất xứ Trung Quốc; 02 xe ô tô tải ben hiệu DONGFENG model LZ3330M1 25 tấn sản xuất năm 2008 – 2009; 01 máy nghiền đá (hàm đập 1.200x1000 một trục hai bánh đà) xuất xứ Nhật Bản; 01 máy nghiền đá (hàm đập 1.200x1000 hai trục hai bánh đà) xuất xứ Nhật Bản; 01 máy nghiền đá (cons 1.500 thủy lực) xuất xứ Nhật Bản; 02 bộ máy cấp liệu rung kiểu Metso (có tách đất); 01 bộ máy sàng đá kiểu Liên xô 175x5,5 ba lớp; 01 bộ máy sàng đá kiểu Liên xô 150x4,5 hai lớp theo hợp đồng thể chấp số 10/HĐTC ngày 28/04/2009.

- Tài sản thứ 12: 01 Máy nghiền đá (nghiền hàm 450 t/h-42x54); 01 bộ sàng đá (loại cấp liệu lọc đất 1.350x2.400 kèm hộp số rung cấp liệu và cốt sàng 2.300); 01 máy xúc đào bánh xích hiệu HITACHI model EX 400, số khung 164-4057; 02 bộ máy cấp liệu thể tích 30m³; 03 bộ máy sàng rung 2.200x6.000 công suất 150

t/h; 02 bộ khung băng tải B1.000X17.000; 04 bộ khung băng tải B800X L17.000; 06 bộ khung băng tải B650x L15.000; 01 tủ điện 500A; 01 tủ điện 350A; đường dây hạ thế và chi phí thi công lắp đặt trạm biến áp, đường dây điện theo hợp đồng thế chấp số 16/HĐTC ngày 28/04/2010.

- Tài sản thứ 13: 01 bộ máy nghiền đá công suất 300 tấn/h thiết kế theo kiểu Hàn Quốc (máy móc thiết bị và băng tải cao su do Nhật Bản sản xuất chất lượng trên 80%) bao gồm: Cấp liệu rung 30m³; hàm nghiền 40x48 (công suất 150Kw); băng tải B 1.200L 18m SL01; hộp giảm tốc 37KW; băng tải B 1.000L 17m SL03; hộp giảm tốc 30KW; băng tải B800L 17m SL04; hộp giảm tốc 22KW; máy nghiền côn 1.200 công suất 132KW; máy xay đá HX 2200x7000 x 3 lớp công suất 40KW theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐTC ngày 07/03/2011.

Toàn bộ các tài sản thế chấp nêu trên đều là tài sản hợp pháp của Công ty V.

Ngày 16/01/2025, đại diện hợp pháp của VietinBank có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ các tài sản bảo đảm, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ: Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của VietinBank phù hợp với quy định trong các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận tự nguyện giao kết và phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng. Đối chiếu với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì yêu cầu này của VietinBank có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí; bị đơn Công ty V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, 157, 158, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 121; 122; 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C (VietinBank) đối với Công ty TNHH V, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty V phải thanh toán trả cho VietinBank tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/4/2025) là: Số tiền nợ gốc là 17.306.290.829đ, lãi trong hạn là 19.880.331.182đ, lãi phạt chậm trả gốc là 6.357.244.187đ. Tổng cộng là 43.543.866.198đ, làm tròn thành 43.543.866.000đ (bốn mươi ba tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong 09 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 24/08/2007; Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 18/12/2007; Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD ngày 04/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ngày 26/11/2008; Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 12/02/2009; Hợp đồng tín dụng số 10/HĐTD ngày 07/05/2009; Hợp đồng tín dụng số 16/HĐTD ngày 05/05/2010; Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ngày 14/03/2011; Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 29/03/2013.

3/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của VietinBank đối với toàn bộ các tài sản bảo đảm mà Công ty V đã thế chấp cho VietinBank.

4/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty V phải nộp 151.543.866đ, làm tròn là 151.543.800đ (một trăm năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả lại cho VietinBank số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) mà bà Trần Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000484 ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Ngân